

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chấn
2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 484/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú: thôn L, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện K, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: anh Nguyễn Hồng T; sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: thôn L, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2023, bản tự khai ngày 29/12/2023 và tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Hồng T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 11/12/2002. Chị H và anh T chung đã có thời gian sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không thể tìm tiếng nói chung, bản thân anh H không có trách nhiệm với gia đình. Thêm nữa, vợ chồng anh chị sống cùng bố mẹ anh T, quá trình chung sống, do luôn phải chịu đựng nên chị H bị ức chế, anh T không thông cảm mà luôn yêu cầu chị H phải chịu đựng. Do quá mệt mỏi, nên từ cuối năm 2023 chị H đã bỏ về ở nhà mẹ đẻ,

vợ chồng chầm dứt quan hệ tình cảm, anh T và gia đình có xuống nhà nói chuyện đề động viên chị H về chung sống nhưng không đưa ra biện pháp để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như vấn đề kinh tế, sinh hoạt nên chị H không về. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Nguyễn Anh T sinh ngày 06/11/2003, Nguyễn Anh M sinh ngày 24/3/2008 và Nguyễn Minh U' sinh ngày 22/7/2022 hiện con chung U' đang sống cùng chị; còn hai con chung là T và M đang ở cùng anh T và ông bà nội. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Minh U'; anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Anh M, còn con chung Nguyễn Anh T đã trên 18 tuổi không có nhược điểm gì. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Theo chị H trình bày thì vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2024 bị đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày:

Anh T và chị H kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại xã X. Vợ chồng có thời gian dài sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2023, chị H tự dọn toàn bộ tài sản, tư trang về nhà đẻ ở rồi có đơn xin ly hôn, quan hệ vợ chồng 20 năm có lúc có mâu thuẫn nhưng chưa cãi nhau. Về cá nhân anh H có chút bệnh ảnh hưởng nhưng quan hệ vợ chồng không ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, việc quan hệ sinh lý vẫn đều đặn, vui vẻ, gia đình hạnh phúc cho đến tháng 11.2023. Mong muốn của anh T là vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung, anh và chị H đã có 03 con chung là Nguyễn Anh T sinh năm 2003, Nguyễn Anh M sinh năm 2008 và Nguyễn Minh U' sinh năm 2022 anh T không có quan điểm gì. Về tài sản, công nợ chung: anh T không trình bày gì mà chỉ xác định có đóng góp tiền xây dựng nhà mới tại nhà đẻ chị H.

Ông Nguyễn Văn Tiến là bố anh Nguyễn Hồng T trình bày: về việc kết hôn, về con chung như anh T và chị H đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H thì chỉ là bất đồng quan điểm trong nuôi dạy con cái và trong sinh hoạt gia đình chứ không có cãi nhau, xô xát ầm ĩ. Khi biết việc chị H nộp đơn ly hôn với anh T, ông bà có sang gặp mẹ chị H và chị H để nói chuyện với mong muốn chị H và anh T đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Chị H không chung sống với anh T từ trước tết Nguyên đán năm 2024, cũng không về chúc tết vợ chồng ông Tiến. Ông Tiến có mong muốn vợ chồng anh T và chị H về đoàn tụ. Ông Tiến đề nghị Tòa án hòa giải để anh T và chị H về đoàn tụ, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ông Tiến cho biết anh T và chị H sống cùng vợ chồng ông Tiến nhưng không tạo lập tài sản chung trên đất của vợ chồng ông Tiến; chị H và anh T không có nợ chung.

Cháu Nguyễn Anh T là con của anh Nguyễn Hồng T và chị Nguyễn Thị H trình bày: Quá trình chung sống cùng bố mẹ, có chứng kiến việc bố mẹ không được hòa thuận và yêu thương nhau thể hiện ở việc bố mẹ hay cãi vã, tranh luận chuyện tiền bạc, tình cảm, đôi lúc có nặng lời với nhau. Nay mẹ muốn ly hôn với bố, cháu T ủng hộ mong muốn của mẹ và trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu T muốn tiếp tục ở cùng và chăm sóc bố.

Cháu Nguyễn Anh M là con của anh Nguyễn Hồng T và chị Nguyễn Thị H trình bày: Cháu đồng ý với quyết định ly hôn của mẹ vì bố mẹ sống với nhau không hạnh phúc và mong muốn ở với bố vì không muốn thay đổi chỗ ở.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh T; về con chung đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Minh U'; anh T nuôi con chung Nguyễn Anh M, còn con chung Nguyễn Anh T đã thành niên nên không đặt ra giải quyết; chị H không yêu cầu giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng; về tài sản chung, công nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, cũng như quá trình thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định.

Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng như trong quyết định, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ và đúng quy định trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn anh T; về con chung xử giao chị H nuôi con chung là Nguyễn Minh U'; giao cho anh T nuôi con chung Nguyễn Anh M, con chung Nguyễn Anh T đã thành niên nên không đặt ra giải quyết; tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng đối với anh T và chị H; tài sản chung, công nợ không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hồng T có nơi cư trú tại: thôn L, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Hồng T đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Hồng T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 11/12/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không thể tìm tiếng nói chung. Ngoài ra, kinh tế gia đình eo hẹp, anh T không có biện pháp cải thiện thu nhập để cùng có trách nhiệm với vợ con, bản thân chị H thường xuyên phải tăng ca để tăng thu nhập để trang trải các khoản sinh hoạt gia đình kéo dài nhiều năm khiến chị H luôn ở tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Thêm nữa, vợ chồng anh chị phải sống cùng bố mẹ anh T nên quá trình chung sống cùng bố mẹ chồng chị H bị ức chế, anh T không thông cảm mà luôn yêu cầu chị H phải chịu đựng. Do quá mệt mỏi, từ cuối năm 2023 chị H đã chuyển về ở nhà mẹ để từ đó đến nay, chấm dứt hoàn toàn quan hệ tình cảm với anh T. Anh T và gia đình có xuống nhà nói chuyện để động viên chị H về chung sống nhưng không đưa ra biện pháp để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nên chị H không về. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án xử cho chị H được ly hôn với anh T. Bị đơn là anh T sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, anh T cũng đã có bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Do vậy việc anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ là không có cơ sở mà chỉ nhằm mục đích gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận xử cho chị H được ly hôn với anh T được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Nguyễn Anh T sinh ngày 06/11/2003 hiện đã đủ 18 tuổi không có nhược điểm gì, Nguyễn Anh M sinh ngày 24/3/2008 và Nguyễn Minh U' sinh ngày 22/7/2022. Hiện con chung Nguyễn Minh U' đang ở với chị H, con chung Nguyễn Anh M đang ở với anh T, các cháu có cuộc sống ổn định. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh U' vì hiện dưới 36 tháng tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là phù hợp. Chị H đề nghị giao con chung Nguyễn Anh M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu M và thực tế hiện anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Xét thấy đề nghị của chị H về giải quyết việc nuôi con chung là phù hợp và đúng pháp luật cần chấp nhận xử giao cho chị H được nuôi con chung Nguyễn Minh U', cho anh T được nuôi con chung Nguyễn Anh M, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho anh T và chị H.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết. Anh T có lời trình bày về tài sản chung nhưng khi Tòa án triệu tập anh T để làm rõ lời khai thì anh T không đến Tòa, không có văn bản trình bày yêu cầu về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng T.

2/ Về con chung: Con chung Nguyễn Anh T sinh ngày 06/11/2013 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét. Xử giao cho chị Nguyễn Thị H được nuôi con chung là Nguyễn Minh U', sinh ngày 22/7/2022, giao cho anh Nguyễn Hồng T được nuôi con chung là Nguyễn Anh M, sinh ngày 24/3/2008, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng T đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng T.

3/ Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Số tiền 300.000đ mà chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số

BLTU/2023/0003859 ngày 13/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với nguyên đơn, bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Quang Trung